

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 506/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – TP HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh Tâm
2. Bà Đinh Thị Diễm Kiều

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý sơ thẩm số 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2019 về việc tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1990 (có mặt)

Thường trú: 25 thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

Tạm trú: 9/2 đường B, khu phố X, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Thường trú: 25 thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng

Nơi làm việc: Công ty TNHH F (VIỆT NAM) – đường số X, phường B, quận T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Dương Thị H tiến tới hôn nhân vào năm 2015 có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 03/8/2015 tại Ủy ban nhân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi tiến tới hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc vì lý do hôn nhân không tự nguyện; lý do anh Đ cưới chị H là để hợp thức hóa vì chị H có

thai trước 03 tháng mới báo cho anh Đ biết; chị H không làm tròn trách nhiệm của người vợ vì thường xuyên giấu anh Đ về kinh tế, không công khai khi gửi tiền về cho cha mẹ chị H; không tôn trọng anh Đ; không làm tròn bổn phận trách nhiệm của người mẹ trong việc chăm sóc con; vợ chồng không hòa hợp trong chuyện chăn gối; chị H xúc phạm anh Đ; nay anh Đ xác định tình cảm với chị H không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Tên Nguyễn Dương Khánh H, sinh ngày 21/9/2015 và Nguyễn Dương Khánh N, sinh ngày 09/7/2017; sau khi ly hôn anh Đ tự nguyện giao cho chị H được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi người con chung cho đến khi lần lượt từng người con chung đủ 18 tuổi tròn

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác nhận việc tiến tới hôn nhân như anh Đ trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng những gì anh Đ trình bày là không đúng hoàn toàn sai sự thật; hơn 01 năm nay anh Đ tự ý bỏ nhà đi chị có biết anh Đ ở thành phố biên Hòa và có đến thăm vợ chồng vẫn bình thường không có vấn đề gì; chị H xác nhận giữa chị và anh Đ không có mâu thuẫn gì. Chị H xác nhận tình cảm với anh Đ vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tên Nguyễn Dương Khánh H, sinh ngày 21/9/2015 (hiện nay do gia đình bên nội nuôi) và Nguyễn Dương Khánh N, sinh ngày 09/7/2017 (hiện nay gia đình bên ngoại nuôi).

Nếu phải ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho mỗi người con chung cho đến khi lần lượt từng người con chung đủ 18 tuổi tròn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến Đ.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: Trích lục kết hôn (bản sao) ngày 29/10/2018; giấy khai sinh Nguyễn Dương Khánh H, sinh ngày 21/9/2015 và Nguyễn Dương Khánh N, sinh ngày 09/7/2017; Hợp đồng lao động, chứng minh nhân dân, hộ khẩu của anh Đ, chị H.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Hôn nhân của anh Đ và chị H là hợp pháp; anh Đ và chị H có 02 con chung tên Nguyễn Dương Khánh H, sinh ngày 21/9/2015 và Nguyễn Dương Khánh N, sinh ngày 09/7/2017.

Các nội dung đương sự thống nhất được đó là: Anh Đ và chị H đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Các nội dung đương sự không thống nhất được đó là: Anh Đ yêu cầu được ly hôn; chị H không đồng ý vì lý do vẫn còn tình cảm với anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định, đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn chị Dương Thị H có nơi làm việc tại Công ty TNHH F (VIỆT NAM) – đường số x, phường B, quận T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án Hôn nhân và Gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2018; anh Nguyễn Tiến Đ yêu cầu được ly hôn với chị Dương Thị H, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn; là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Bị đơn chị Dương Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 18/4/2019 nhưng chị H không đến tòa tham gia xét xử vụ án. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay (14/5/2019), nhưng chị H vẫn vắng mặt tại tòa mà không có lý do chính đáng; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp, được pháp luật quy định tại Điều 227, Điều 233 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của các đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Tiến Đ và chị Dương Thị H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không được anh Đ và chị H thừa nhận, anh Đ cho rằng chị H không làm tròn trách nhiệm bổn phận người vợ, không tôn trọng anh cũng như gia đình, chị H thì cho rằng anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ và chị H thừa nhận đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay; chị H muốn đoàn tụ gia đình nhưng không đưa ra được phương án nào khả thi. Tại phiên tòa chị H vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử nhận định, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho anh Đ và chị H. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Tên Nguyễn Dương Khánh H, sinh ngày 21/9/2015 và Nguyễn Dương Khánh N, sinh ngày 09/7/2017; anh Đ tự nguyện giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; chị H đồng ý nuôi con là phù hợp, nên được chấp nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi người con chung; chị H yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho mỗi người con chung. Anh Đ khai hiện nay làm công nhân mỗi tháng được 5.000.000 đồng (có hợp đồng lao động kèm theo), nếu cấp dưỡng theo yêu cầu của chị H thì anh không còn tiền để nuôi sống bản thân, tại phiên tòa chị H vắng mặt. Do đó đó chị H yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho mỗi người con chung là không có cơ sở chấp nhận; việc anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng anh Đ phải chịu; về án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng anh Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 108, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến Đ và chị Dương Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Dương Khánh H, sinh ngày 21/9/2015 và Nguyễn Dương Khánh N, sinh ngày 09/7/2017 cho chị Dương Thị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tiến Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho mỗi người con chung cho đến khi lần lượt từng người con chung đủ 18 tuổi tròn; thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi chị Dương Thị H có đơn yêu cầu thi hành án; nếu anh Nguyễn Tiến Đ chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền cấp dưỡng. Nếu không có thỏa thuận và có tranh chấp về lãi suất, thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tại thời điểm cấp dưỡng

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh Nguyễn Tiến Đ phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0023365 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh Nguyễn Tiến Đ phải chịu.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Anh Nguyễn Tiến Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Dương Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Việc kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

7. Quyền yêu cầu thi hành án: “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Thủ Đức; (1)
- CC Thi hành án dân sự Q. Thủ Đức; (1)
- Các đương sự (2)
- Ủy ban nhân dân phường L,
TP. B, tỉnh Đồng Nai; (1)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP. (3)

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Công Tỉnh